

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 03 – 6 – 2022

V/v: Tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu H.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị T và bà Hồ Thị L.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Vân A – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị M – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xử án Toà án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1990.

Nơi thường trú: Tổ 4, khu Trới 5, phường B, TP H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Đào Văn P, sinh năm 1987.

Nơi thường trú: Đội 5, thôn 2, xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện tại: tổ 4, khu Trới 5, phường B, TP H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt hợp lệ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đào Văn P có đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 10 năm 2008 tại UBND xã Đại Hưng , huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc . Trước khi kết hôn chưa

ai có vợ có chồng và có thời gian tìm hiểu nhau một thời gian ngắn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh P có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị G đã nhiều lần tha thứ nhưng sau đó thì anh P lại tiếp tục có những quan hệ bất chính với người khác khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Chị và anh P đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh P đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể khắc phục mà chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Văn P.

- Về con chung: quá trình chung sống chị và anh P có 02 con chung là Đào Minh N, sinh ngày 16/12/2009 và Đào Minh K, sinh ngày 27/11/2013. Chị G đề nghị nếu ly hôn chị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cả con chung cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị G và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vấn đề vay nợ chung: Chị và anh P không vay nợ chung của cơ quan, tổ chức cũng như của cá nhân nào, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Đào Văn P đã được Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án, anh P đã biết được thông tin nhưng không đến Tòa án làm việc. Sau đó, Tòa án đã nhiều lần gửi Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời chị G có quan điểm đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Các cháu Đào Minh N và Đào Minh K đều có lời khai thể hiện: Nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị G có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án. Anh P đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa..., anh P đã biết được thông tin nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, không có thiện chí hợp tác để cải thiện quan hệ hôn nhân của vợ chồng.

Ngày 07/4/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã xác minh tại tổ 4, khu Trới 5, phường B, thành phố Hạ Long nơi chị G và anh P sinh sống sau khi kết

hôn và được tổ dân khu phố cung cấp thông tin như sau: chị G và anh P có đăng ký thường trú, tạm trú và sinh sống tại tổ dân. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn lời qua tiếng lại tuy nhiên cụ thể nguyên nhân thì tổ dân không được biết và tổ dân khu phố chưa tiến hành hòa giải bao giờ. Đến đầu năm 2022 (sau thời tết nguyên đán), sau khi biết được thông tin vụ án ly hôn do Tòa án tổng đạt thì anh P đã bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Hiện tại, chị G và các con đang sinh sống tại tổ dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị G và anh Đào Văn P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Chị G và anh P quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G.

Về con chung: Quá trình chung sống chị G và anh P có 02 con chung là Đào Minh N, sinh ngày 16/12/2009 và Đào Minh K, sinh ngày 27/11/2013. Chị G đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị G không trái đạo đức, pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Khang, cháu Nhật nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung: chị G và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị HĐXX không đề cập..

Về vấn đề vay nợ chung: Chị G và anh P không nợ chung cơ quan tổ chức cũng như của cá nhân nào, đề nghị HĐXX không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 4, khu Trới 5, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Anh Đào Văn P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đội 5, thôn 2, xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và có tạm trú tại: tổ 4, khu Trới 5, phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đào Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều

vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự cùng những tài liệu chứng cứ có trong vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Nguyễn Thị G và anh Đào Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự do và tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Chị G và anh P đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại từ lâu nên chị G đề nghị xin được ly hôn với anh P. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G có đơn xin từ chối hòa giải vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng và không thể hàn gắn. Tại phiên tòa, chị G có đơn xin xét xử vắng mặt và chị xin giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần và đã biết thông tin vụ án nhưng anh P không đến Tòa án làm việc, thể hiện thái độ không quan tâm đến cuộc hôn nhân và không tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể khắc phục được nên Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G.

Mặt khác, tổ dân khu phố cũng xác nhận thông tin vợ chồng chị G và anh P trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn khả năng hàn gắn, đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai.

Từ những chứng cứ nêu trên đủ căn cứ xác định mâu thuẫn của chị G và anh P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị G và anh P có 02 con chung là Đào Minh N, sinh ngày 16/12/2009 và Đào Minh K, sinh ngày 27/11/2013.

Chị G có quan điểm muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX nhận thấy: hiện tại các con chung đang ở với chị G và được chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị G có nơi ở và công việc ổn định. Hơn nữa, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung, cần thiết giao cả hai con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị G đề nghị tự thỏa thuận nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về vấn đề vay nợ chung: Chị G và anh P không nợ chung cơ quan tổ chức cũng như của cá nhân nào nên HĐXX không đề cập.

[7] Về án phí: chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Đào Văn P.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị G và anh Đào Văn P có 02 con chung là Đào Minh N, sinh ngày 16/12/2009 và Đào Minh K, sinh ngày 27/11/2013.

Giao con chung Đào Minh N và Đào Minh K cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đào Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị G phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự. Được trừ vào số tiền chị G đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000339 ngày 13/01/2022 của Chi cục thi hành án thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- VKSND Tp H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS tp H;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thu H**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

